TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/DS-ST
Ngày: 14-4-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

Ông Dương Văn Tính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1986; địa chỉ: Số E, ấp T, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền là anh Đinh Quang H, sinh năm 1971; địa chỉ: 1, đường P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/01/2025.); Có mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Hà Thị Mỹ X, sinh năm 2001; địa chỉ cư trú: ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Ấp X, xã N, tỉnh Cà Mau; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L (do anh H đại diện), trình bày:

Chị quen biết với Nguyễn Thị Kim T. Chị T nói với chị, đang buôn bán cá với Hà Thị Mỹ X, nhưng không có vốn. Chị T nói chị bỏ vốn, còn chị T, chị X đi mua bán cá (T1 đi mua cá, tự đi bán.), nếu có lời thì chia lợi nhuận ra 03 phần mỗi người một phần. Chị là người bỏ tiền ra còn hai người kia thì bỏ công đi lại. Lúc đó, không nói gì đến việc lỗ thì giải quyết như thế nào, chỉ có trao đổi lời (lãi) không, không nghĩ sẽ lỗ. Lúc thỏa thuận vào ngày 04/02/2024, khi thỏa thuận, cả 03 gặp nhau tại nhà chị và trao đổi nội dung như vậy, chỉ trao đổi miệng, không có lập thành văn bản. Chuyến cá đầu tiên bắt đầu đi mua là ngày 05/02/2024, chị chuyển cho X 60.000.000 đồng để đi mua cá (Đợt 1). Xuyên điện thoại cho chị nói mua 03 tấn cá tra, nên đã chuyển cho X 60.000.000 đồng, có sao kê. Ngày 06/02/2024, X bán cá lời được hơn 2.000.000 đồng, chỉ nói chuyện qua Z. X nói cho T và X mượn 60.000.000 đồng này để làm vốn mua cá. Chị cũng thống nhất là chỉ cho mượn 02 tháng trả lại, mỗi tuần thì T và X trả lãi 750.000 đồng. Sau đó T trả lãi được 01 lần, Xuyên trả lãi được 02 lần, tới nay không trả lãi và gốc. Sau khi X đề nghị cho mượn 60.000.000 đồng để T và X có vốn mua bán cá. Chị T có điện thoại cho chị xác nhận lại là T thống nhất nội dung trên. Lý do cả ba đang hùn mua bán cá mà T và X mượn 60.000.000 đồng để làm vốn mua cá riêng là do thấy T hoàn cảnh khó khăn, nuôi 03 đứa con nhỏ nên mới giúp.

Ngày 11/02/2024 (Đợt 2) chị X điện cho chị kêu hỗ trợ thêm vốn 45.000.000 đồng để đi mua cá ở Bình Phước, tiền lãi chia 05 phần Xuyên, T 03 phần (Vì T, X bỏ 60.000.000 đồng), còn 02 phần này còn lại là chị 01 phần, Xuyên một phần (Vì chị đưa ra 45.000.000 đồng). Ngày 11/02/2024, X đề nghị mượn riêng thêm 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, 23 ngày, nhưng thực tế là góp 400.000 đồng, 28 ngày. Góp được 13 ngày được 5.200.000 đồng là ngưng góp. Đến ngày 12/02 mới chuyển khoản cho X 45.000.000 đồng và 10.000.000 đồng. Đến ngày 13/02/2024, chuyển khoản đưa tiền lời cá là 1.500.000 đồng của lần mua bán cá này, còn vốn ngày 14/02/2024 đã chuyển trả chị 45.000.000 đồng. Ngày 17/02/2024 (Đợt 3), X đề nghị chuyển 45.000.000 đồng để đi mua cá và chị đã chuyển X, lãi thì tiền lãi chia 05 phần: Xuyên, T 03 phần (Vì T, X bỏ 60.000.000 đồng), còn 02 phần này còn lại là chị 01 phần, nhưng phải trích 20% cho X. Xuyên một phần (Vì chị đưa ra 45.000.000 đồng). Ngày 18/02/2024, thì X bán cá và chuyển cho chị 700.000 đồng tiền lời, còn vốn 45.000.000 đồng của chị thì X tiếp tục lấy đi mua cá đợt 04. Bán cá ngày 19/02/2024, thì X chuyển cho chị 1.900.000 đồng tiền lời bán cá đợt 04 này, còn vốn 45.000.000 đồng X lấy đi mua bán cá tiếp. Ngày 20/02/2024, X đi mua cá khi đến ao xem cá thì X đề nghị chuyển thêm 20.000.000 đồng để mua cá và chị đã chuyển thêm cho X 20.000.000 đồng. Ngày 21/02/2024 (Đợt 5), X bán cá chuyển tiền lời cho chị 509.000 đồng (Chuyển 909.000 đồng trong đó có 400.000 đồng tiền góp), còn tiền gốc 65.000.000 đồng thì X nói đi mua cá tiếp ngày 21/02/2024 (Đ). Ngày 22/02/2024, X đi bán cá, chuyển cho chị 1.258.000 đồng (thực tế

chuyển 1.658.000 đồng, trong đó có 400.000 đồng tiền góp), còn 65.000.000 đồng gốc thì X đi mua cá tiếp ngày 22/02/2024. Ngày 23/02/2024 (Đợt 7), X chuyển cho chị 1.236.000 đồng tiền lời cá và tiền góp. Và ngày 23/02/2024, X yêu cầu chị chuyển tiếp cho X 18.000.000 đồng để có vốn mua bán cá và chị đã chuyển trong ngày này. Qua ngày 24/02/2024 (Đợt 8), X bán cá, chuyển cho chị 7.829.000 đồng (trong đó có 400.000 đồng tiền góp). Cũng trong ngày 24/02/2024, X yêu cầu chuyển thêm 20.000.000 đồng để mua cá, nhưng chị không chuyển, chị mới yêu cầu trả lại 83.000.000 đồng tiền gốc hùn mua cá nhưng X không chịu. X nói đã lở đến ao rồi nên không trả. Ngày 25/02/2024, T với X nói là chưa bán cá kịp, nên chưa chia lời được. Sang ngày 26/02/2024 thì không liên lạc được với T. Còn X liên lạc được nhưng nói gia đình lu bu chỉ chuyển được 390.000 đồng tiền góp. Ngày 27/02/204, thì X giải tán nhóm trên ZALO và chặn mọi cuộc gọi không liên lạc được với T và X tới nay. Chị yêu cầu chị X trả cho chị 83.000.000 đồng chị đã chuyển khoản cho chị X hùn vốn mua cá, tiền cho mượn còn nợ 4.800.000 đồng, tiền mượn 60.000.000 đồng (đợt cá đầu tiên), tổng cộng là 147.800.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ tháng 01/3/2024 đến nay là 10 tháng, lãi suất 10%, là 12.316.000 đồng, tổng cộng là 160.116.000 đồng. 60.000.000 đồng đầu tiên cho chị T, chị X vay mỗi người 30.000.000 đồng, nhưng yêu cầu một mình chị X là do chị chuyển tiền cho X 60.000.000 đồng, còn T và X thỏa thuận như thế nào chị không rõ. Ngày 20/01/2025, chị L khởi kiện bổ sung yêu cầu chị X phải trả thêm tiền lãi 18.326.400 đồng. Văn bản ngày 04/3/2026, chị L cho rằng chị cho chị X vay tiền để đi mua cá về bán lại, tiền lãi chia theo tỷ lệ 40% cho chị L và 60% cho chị X. Tuy nhiên, cũng không đề cập đến việc lỗ thì chia như thế nào. Tại phiên tòa, anh H đại diện chị L thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị X trả lại số tiền đã nhận chuyển khoản của chị L, sau khi đã trừ số tiền chuyển lại là 198.000.000 đồng - 65.676.000 đồng = 132.324.000 đồng, thống nhất không yêu cầu tính lãi. Chị L không có tranh chấp với chị T.

Chị Hà Thị Mỹ X trình bày: Trước đây chị có quen biết với chị Nguyễn Thị Kim T, giới thiệu quen biết chị L. Hai bên trao đổi hùn vốn làm ăn. Chị gia công tìm nguồn cá thịt đỏ gom lại vào giao cho tiểu thương ở chợ, chị L ra tiền; nếu lời (lãi) thì chi làm 2 phần, chị L 50%, chị và T 50% lợi nhuận; nếu bị lỗ thì chị lỗ chi phí xe cộ, công cán đi lại tự chịu, còn chị L lỗ tiền. Khi bắt tay vào làm, lúc đầu có lời. Sau này, khi đi mua cá thì phải đặt cọc cho khách hành, nêu không đặt cọc thì không bán, tiền cọc khoảng 60.000.000 đồng, nên bị lỗ. Đối với số tiền vay, chị có vay của chị L 30.000.000 đồng, đồng ý trả nhưng xin trả dần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim T không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của

người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị X trả cho chị L 132.324.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp theo quy định tại 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 và 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không có yêu cầu phản tố, không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Anh H đại diện chị L thay đổi nội dung khởi kiện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của BLTTDS.

[4] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của chị L do anh H đại diện là có căn cứ để chấp nhận, vì: Chị L đã cung cấp được Bảng sao kê của Ngân hàng các lần chuyển tiền cho chị X, cũng như chị X chuyển lại cho chị L, theo đó: Từ ngày 05/02/2024 đến ngày 23/02/2024, chị L đã chuyển cho chị X 6 lần, tổng cộng 198.000.000 đồng. Trong đó, 5 lần có nội dung chuyển tiền mua cá (“mua ca”) và 01 lần có nội dung L cho X mượn (“L cho xuyen muon”, ngày 13/02/2024, số tiền 10.000.000 đồng). Chị X chuyển lại cho chị L 14 lần từ ngày 13/02/2024 đến ngày 26/02/2024, tổng số tiền 65.676.000 đồng, 01 lần có nội dung chuyển khoản là “lai k1 t2.”, còn lại không có nội dung chuyển tiền.

[5] Các bên giao kết hợp đồng với nhau bằng lời nói, qua tin nhắn, việc thỏa thuận không rõ ràng về việc chia lỗ như thế nào, cho nên khi lỗ thì chị L cũng không thống nhất chia lỗ. Về phía bị đơn chị X chỉ gửi một bản khai với nội dung, thừa nhận có vay 30.000.000 đồng và đồng ý trả dần, số tiền hùn mua cá đã bị mất cọc. Tòa án đã yêu cầu chị bổ sung chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng chị X không bổ sung được các lần mua bán với ai, số tiền lãi, tiền bị lỗ..., không chứng minh được việc bị lỗ. Cho nên, chị X phải trả lại chị L số tiền đã nhận gồm tiền mua bán cá 188.000.000 đồng, tiền vay không tính lãi 10.000.000 đồng, tổng cộng 198.000.000 đồng, trừ lại số tiền chị X đã chuyển lại chị L 65.676.000 đồng, còn lại buộc chị X phải trả lại chị L 132.324.000 đồng.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 147 và 150 của BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, số tiền 6.616.000 đồng. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 147, 150, 227, 228 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 463 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L.

1.1. Buộc chị Hà Thị Mỹ X có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị Trúc L số tiền 132.324.000 (Một trăm ba mươi hai triệu ba trăm hai mươi bốn) đồng.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc chị Hà Thị Mỹ X chịu 6.616.000 (Sáu triệu sáu trăm mười sáu nghìn) đồng.

2.2. Trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc L các khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.680.000 đồng theo Biên lai số 0006235 ngày 24 tháng 10 năm 2024 và 458.000 đồng theo Biên lai số 0014651 ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Thi hành án dân sự huyện H, nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14 tháng 4 năm 2026); đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú